



THE  
WORLD  
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

# BẢN TIN TUẦN

Tuần 40 (từ 01/10 – 05/10/2018)



## ĐIỂM TIN

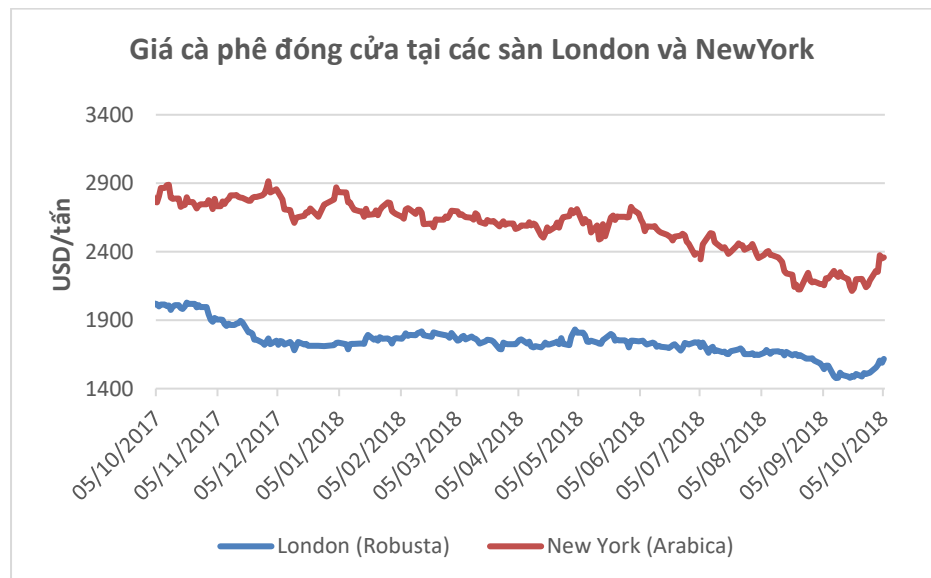
Giá cà phê Robusta tuần này tăng 5,3% so với tuần trước

Giá cà phê Arabica tuần này tăng 6,8% so với tuần trước

Khối lượng xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 8 đạt 11,1 triệu bao, cao hơn 6,3% so với cùng kỳ 2017.

## THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, [www.theice.com](http://www.theice.com)

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1586,8 USD/tấn, tăng 5,3% so với tuần trước và thấp hơn 20,8% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.616 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.554 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2318,6 USD/tấn, tăng 6,8% so với tuần trước và thấp hơn 17,3% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong



tuần đạt 2373,3 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2253,1 USD/tấn [1].

Giá cà phê tăng do tác động của các yếu tố quốc tế như: chính phủ Brazil thắt chặt quản lý tỷ giá đồng Real so với đồng USD, hỗ trợ giá cà phê nên các nhà sản xuất hạn chế bán ra song vẫn đảm bảo doanh thu. Ngoài ra, nguồn cung hạn chế do vụ thu hoạch tại Indonesia kết thúc, sản lượng cà phê tại Ấn Độ và Việt Nam giảm do thời tiết không thuận lợi tại các vùng sản xuất chính cũng tác động khiến giá cà phê biến động theo chiều hướng tăng lên.

### **Trong tuần qua, ngành cà phê thế giới có một số thông tin đáng chú ý:**

Theo tin từ Reuters, Chủ tịch nhóm các ngành công nghiệp của Brazil, Ricardo de Souza Silveira, đã đưa ra giải pháp cho vấn đề giá cà phê ở mức thấp như hiện nay. Theo đó, ngành công nghiệp cà phê Brazil và Columbia có thể cùng chung tay giới hạn lại nguồn cung, áp hạn ngạch xuất khẩu nhằm tác động đến giá tham chiếu tại hai sàn cà phê quốc tế là London và New York theo hướng tăng dần. Tuy nhiên, giải pháp trên chỉ có thể được áp dụng khi chính trị của Brazil ổn định hơn, sớm nhất là sau cuộc bầu cử tổng thống kết thúc vào ngày 27 tháng 10 tới. [3]

Hợp tác xã cà phê Cooxupé của Brazil cho biết, công việc thu hoạch của đơn vị này trong niên vụ 2017/18 đã hoàn thành 99%. Cooxupé là hợp tác xã cà phê lớn nhất thế giới. Mục tiêu sản lượng cà phê của Cooxupé trong năm 2018 là 5,4 triệu bao cà phê nhân arabica.

Tổ chức Cà phê Quốc Tế (ICO) báo cáo khối lượng xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 8 đạt 11,1 triệu bao, cao hơn 6,3% so với cùng kỳ 2017. Như vậy lũy kế xuất khẩu cà phê toàn cầu trong 11 tháng đầu niên vụ 2017-2018 đạt 112,52 triệu bao, cao hơn 1,6% so với cùng kỳ năm ngoái. [2].



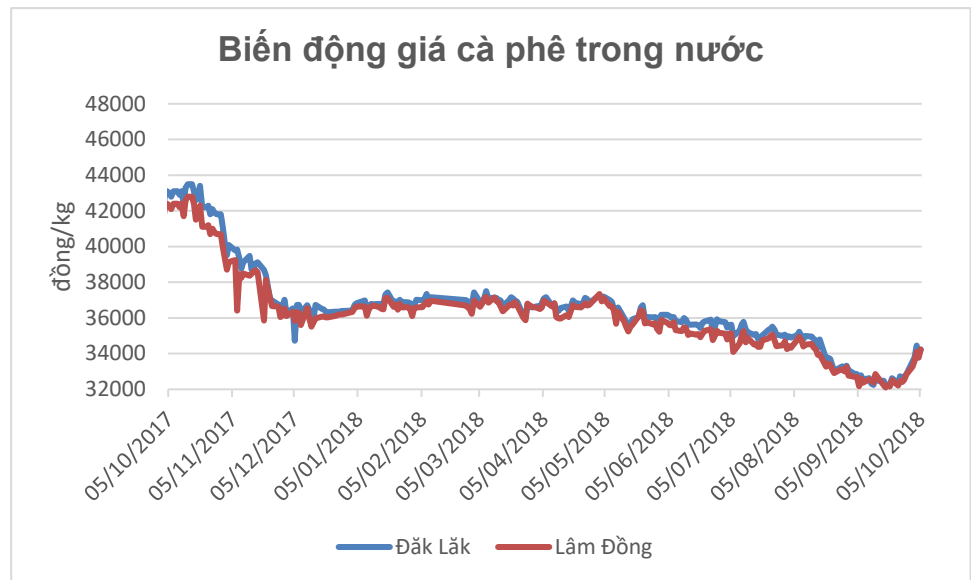
## ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên có xu hướng tăng mạnh so với tuần trước.

Giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) tăng nhẹ 8% so với tuần trước

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 9 ước đạt 136 nghìn tấn với giá trị đạt 236 triệu USD.

## THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước đồng loạt tăng. Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này biến động rất tích cực với tuần trước. Tại Đăk Lăk, giá cà phê bình quân đạt 33.986 đ/kg, tăng 1.332 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 21,7% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê tăng 1300 đồng so với tuần trước, lên mức 33.787 đ/kg, và thấp hơn 20,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này tăng mạnh 8% so với tuần trước lên mức 1.542 USD/tấn song vẫn thấp hơn 17,9% so với cùng kỳ năm 2017 [5].

Nhìn chung, giá cà phê tăng trở giúp giảm bớt lo lắng và kích thích nông dân tập trung chăm sóc tốt cho mùa vụ tới. Trước những biến động đang diễn ra trên thị trường quốc tế khiến giá cà phê tham chiếu tại hai sàn London và New York tăng lên, dự báo giá cà phê trong nước sẽ tiếp tục xu hướng tăng trong thời gian tới. [2].

Theo báo cáo của bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, xuất khẩu cà phê tháng 9 năm 2018 ước đạt 136 nghìn tấn với giá trị đạt 236 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 9



tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,46 triệu tấn và 2,77 tỷ USD, tăng 20,1% về khối lượng và tăng 0,4% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2018 đạt 1.913 USD/tấn, giảm 15,5% so với cùng kỳ năm 2017. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2018 với thị phần lần lượt là 12,6% và 9,8%. Các thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê trong 8 tháng đầu năm 2018 tăng mạnh là: Indonesia (gấp 8 lần), Nga (+66,6%) và Philippin (+46,6%).. [8]

### **Nguồn tham khảo:**

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>



## Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
<b>Đắk Lắk</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33,467	33,767	34,500	34,075	34,467	1455
Ea H'leo (xô vối)	33,467	33,767	34,567	34,333	34,567	1280
Krông Năng (xô vối)	33,600	33,733	34,300	33,767	33,967	1293
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33,700	34,000	34,800	34,300	34,700	1400
Ea H'leo (xô vối)	33,800	34,100	34,800	34,600	34,800	1200
Krông Năng (xô vối)	33,900	33,900	34,600	34,000	34,200	1380
<b>Lâm Đồng</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	33,200	33,300	34,000	33,700	34,100	1300
Di Linh (xô vối)	33,000	33,500	34,000	33,500	34,000	1520
Lâm Hà (xô vối)	33,600	33,900	34,300	34,100	34,600	34100
Đà Lạt (xô chè)	40,667	40,667	43,667	42,667	42,667	4300
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	33,700	33,800	34,500	34,200	34,600	1300
Di Linh (xô vối)	33,500	34,000	34,500	34,500	34,500	1000
Lâm Hà (xô vối)	34,000	34,300	34,900	34,700	35,200	1200
Đà Lạt (xô chè)	41,667	41,667	44,667	43,667	43,500	4267
<b>Đắk Nông</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	33,600	33,850	34,400	34,300	34,600	1480
Đắk R'lấp (xô vối)	33,433	33,733	34,333	34,033	34,433	1460
Đắk Song (xô vối)	33,550	33,850	34,450	34,150	34,550	1440
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	33,950	34,200	34,700	34,700	34,900	1490



Đắk Lắk (xô vối)	33,733	34,033	34,633	34,367	34,733	1460
Đắk Song (xô vối)	33,850	34,200	34,750	34,500	34,900	1460
<b>Gia Lai</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	33,500	33,867	34,400	34,167	34,500	1453
Plei ku (xô vối)	33,600	33,900	34,500	34,100	34,600	1400
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	34,067	34,400	34,900	34,700	34,967	1527
Pleiku (xô vối)	34,133	34,433	35,000	34,633	35,100	1447
<b>Kon Tum</b>						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	33,300	33,500	34,200	33,500	33,800	1320
Đắk Hà (xô vối)	33,300	33,450	34,100	33,450	33,700	1310
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	33,600	33,600	34,300	33,700	33,900	1380
Đắk Hà (xô vối)	33,600	33,600	34,300	33,700	33,900	1380

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN**

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: [info@agro.gov.vn](mailto:info@agro.gov.vn)

Website: [www.agro.gov.vn](http://www.agro.gov.vn)

